

**Quyết định tái thẩm**

Số: 05/2022/KDTM-TT

Ngày 22/6/2022

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

*Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia xét xử gồm:*

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bường, ông Lại Văn Trình, ông Vũ Thanh Liêm, ông Nguyễn Văn Tiến, ông Lê Tự, ông Nguyễn Văn Tào, ông Trương Minh Tuấn, ông Nguyễn Cường, ông Phạm Việt Cường, ông Đặng Kim Nhân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Mỹ Châu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa tái thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; địa chỉ: 25 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* ông Lâm Quốc V- Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Thương mại TMCP Đầu tư và Phát triển tỉnh G (theo Quyết định ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị H; địa chỉ: Thôn Văn Yên, xã Ia Yok, huyện I, tỉnh G.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Ngọc Q; địa chỉ: Thôn Văn Yên, xã Ia Yok, huyện I, tỉnh G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*-Theo đơn khởi kiện ngày 07/03/2018 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam trình bày:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua Chi nhánh G - Phòng giao dịch T (gọi tắt là Ngân hàng) có cho hộ bà Trần Thị H vay số tiền 400.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số

01/2016/8327159/HĐTD ngày 08/12/2016, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán hàng nông sản, thời hạn vay từ ngày 09/12/2016 (tính theo ngày giải ngân cho bên vay) đến ngày 08/9/2017, phương thức trả nợ là lãi hàng tháng, nợ gốc trả cuối kỳ. Mức lãi suất trong hạn là 10%, mức lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng, ngày 03/3/2016, Ngân hàng với bà H và chồng của bà H là ông Nguyễn Ngọc Q có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/8327159/HĐBĐ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại làng Ore 2, xã la Grăng, huyện I, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC632930 do Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh G cấp ngày 29/01/2016; thửa đất số 71; tờ bản đồ số 32; có tổng diện tích 23.036,2m<sup>2</sup>.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H có trả cho Ngân hàng được số tiền lãi là 31.911.111 đồng. Khi hết thời hạn của Hợp đồng tín dụng thì bà H không trả số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng. Vì bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ số tiền vay của bà H đã được chuyển nợ qua hạn từ ngày 08/9/2017.

Nay Ngân hàng yêu cầu H phải trả số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 21/8/2018 là 44.800.000 đồng và toàn bộ lãi phát sinh đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ. Trường hợp bà H không trả được số nợ trên thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

*- Bị đơn là bà Trần Thị H trình bày:*

Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bà Trần Thị H nhưng bà H không đến Tòa án làm việc, vì vậy không có lời khai và yêu cầu của bà H trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc Q trình bày:*

Bà Trần Thị H có vay của Ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8327159/HĐTD ngày 08/12/2016, nhưng do bà H làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả nợ. Ông thừa nhận có cùng với bà H ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/8327159/HĐBĐ ngày 03/3/2016 với Ngân hàng, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại làng Ore 2, xã la Grăng, huyện I, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số cc 632930 do ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh G cấp ngày 29/01/2016; thửa đất số 71; tờ bản đồ số 32; có tổng diện tích 23.036,2m<sup>2</sup>.

Nay Ngân hàng khởi kiện thì ông Q đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/8327159/HĐBĐ ngày 03/3/2016 để thu hồi nợ.

*-Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 21/8//2018, Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G đã quyết định:*

*Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26;*

*Áp dụng Điều 355, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;*

*Tuyên xử:*

*1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.*

*2. Buộc bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tổng số tiền nợ tính đến ngày 21 tháng 8 năm 2018 là 444.800.000 đồng (bốn trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), nợ lãi quá hạn là 44.800.000 đồng (bốn mươi bốn triệu, tám trăm nghìn đồng).*

*Trong trường hợp ,bà Trần Thị H không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Tài sản thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/8327159/HDBD ngày 03/3/2016 được giao kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua Chi nhánh G - Phòng giao dịch T với bà Trần Thị H và ông Nguyễn Ngọc Q.*

*Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.*

*-Ngày 23/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh G có Báo cáo số 03/BC-VKS-DS đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm đối với bản án nêu trên.*

*-Tại Quyết định số 11/QĐ-VKS-KDTM ngày 14/01/2022, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 21/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện I; Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử tái thẩm, hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 21/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.*

*- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1] Tại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự số 175/KLĐT ngày 14/10/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh G thể hiện: khoảng tháng 6 năm 2016, Lê Xuân B thỏa thuận với Trần Hữu P (là lao động hợp đồng của Phòng Tài nguyên Môi trường huyện I và Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh G) làm hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không cho vợ chồng*

ông Nguyễn Ngọc Q và bà Trần Thị H để nhận tiền và được Ủy ban nhân dân huyện I cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 632930 ngày 29/01/2016 đối với thửa đất số 71, tờ bản đồ số 32 tại làng Orê, xã Ia Grăng, huyện I, tỉnh G; sau đó, Trần Thị H dùng Giấy chứng nhận trên thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) để vay số tiền 400.000.000 đồng và chiếm đoạt. Tại cơ quan điều tra, ông Lê Xuân B và Trần Hữu P thừa nhận hành vi làm khống Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một số người trong đó có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 632930 đứng tên ông Nguyễn Ngọc Q và bà Trần Thị H; bà H, ông Q cũng khai thừa nhận quyền sử dụng đất là của những hộ đồng bào dân tộc thiểu số và có hành vi gian dối để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 632930 ngày 29/01/2016.

Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 632930 ngày 29/01/2016 được cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Q và bà Trần Thị H trên cơ sở kê khai gian dối về nguồn gốc, vị trí và đối tượng sử dụng đất nhưng Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 21/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G quyết định cho Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 632930 ngày 29/01/2016 là không đúng quy định của pháp luật và đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

[2] Hành vi gian dối của ông Q, bà H đã bị cơ quan điều tra khởi tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đây là tình tiết mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 21/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G; từ việc hợp đồng vay có tài sản bảo đảm trở thành hợp đồng vay không có tài sản bảo đảm. Do đó, cần phải hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật; khi giải quyết lại Tòa án cấp sơ thẩm cần làm rõ nếu có dấu hiệu làm khống giấy chứng nhận để vay vốn Ngân hàng thì chuyển cho cơ quan điều tra xử lý về hình sự.

[3] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm xét thấy Quyết định kháng nghị số 11/QĐ-VKS-KDTM ngày 14/01/2022 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ chấp nhận;

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 356 và Điều 357 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

1. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 21/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt

Nam với bị đơn là bà Trần Thị H; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật

2. Quyết định tái thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng tái thẩm ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- Viện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND huyện I;
- Chi cục THADS huyện I;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phước Thanh**



